TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 991/2025/DS-ST
Ngày 30 tháng 6 năm 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thiện Liên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Lang
2. Ông Nguyễn Văn Hoàng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Bá Thứ, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Vinh - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 2025/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 187/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần B**
Địa chỉ: 442 N, phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông T - Tổng giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền: Ông N (Giấy uỷ quyền số 174/UQ-QLN.25 lập ngày 24 tháng 02 năm 2025) (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: 444A-446 C, Phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Phụng A**, sinh năm: 1988 (Vắng mặt).
Địa chỉ: 229/38 B, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà Nguyễn Phụng A ký ngày 16/01/2020 và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần B (sau đây gọi tắt là B) đã cấp cho bà Nguyễn Phụng A thẻ tín dụng quốc tế Visa Signature số xxxx xxxx xxxx xxxx; hạn mức thẻ 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; lãi suất, phí và cách tính lãi, được quy định chi tiết tại Biểu lãi suất và phí do B phát hành trong từng thời kỳ. Biểu lãi suất và phí là một phần không tách rời của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng. B có thể thay đổi Biểu lãi suất và phí trong quá trình sử dụng thẻ của Chủ thẻ", cụ thể:

- Từ ngày 16/01/2020 (ngày cấp thẻ tín dụng) đến trước ngày chuyển nợ quá hạn (ngày 20/8/2021): Lãi suất trong hạn 27%/ năm.

- Lãi suất quá hạn: 150% x 27%/năm = 40.5%/năm, áp dụng từ ngày chuyển nợ quá hạn (ngày 20/8/2021) đến ngày thay đổi lãi suất (ngày 13/07/2023).

- Từ ngày thay đổi lãi suất (ngày 13/7/2023): Lãi trong hạn là 30%/năm.

- Lãi suất quá hạn: 150% x 30% = 45,0%/năm, áp dụng từ ngày thay đổi lãi suất đến nay.

- Các khoản phí phát sinh gồm: phí thường niên, phí rút tiền mặt, phí không thanh toán số tiền thanh toán tối thiểu, phí in (cấp) PIN, phí SMS banking (thông báo qua tin nhắn), phí mất (thất lạc) thẻ (đính kèm Biểu lãi suất và phí).

Bà A đã sử dụng giao dịch thanh toán bằng thẻ tổng số tiền là 248.101.000 (hai trăm bốn mươi tám triệu một trăm lẻ một ngàn) đồng. Bà A đã thanh toán cho B (gốc, lãi, phí) tổng cộng 209.634.233 (hai trăm lẻ chín triệu sáu trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm ba mươi ba) đồng, trong đó tiền gốc là 191.840.491 (một trăm chín mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi ngàn bốn trăm chín mươi mốt) đồng và tiền lãi, phí, phạt là 17.793.742 (mười bảy triệu bảy trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm bốn mươi hai) đồng. Tính đến trước ngày 20/08/2021 bà A đã thanh toán 209.634.233 (hai trăm lẻ chín triệu sáu trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm ba mươi ba) đồng. Kể ngày 20/08/2021 (ngày chuyển nợ quá hạn) đến nay bà A không thanh toán cho B bất kỳ khoản tiền nào.

Do bà A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 20/08/2021, B ra thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng nêu trên, chuyển khoản thẻ số 4365 9990 0014 1352 sang nợ quá hạn, đồng thời thu hồi toàn bộ dư nợ thẻ chưa thanh toán của bà A.

Nay, B yêu cầu bà Nguyễn Phụng A thanh toán ngay một lần tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 16/5/2025 là 156.570.546 (một trăm năm mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi ngàn năm trăm bốn mươi sáu) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 66.690.922 (sáu mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ngàn chín trăm hai mươi hai) đồng.

- Tiền lãi quá hạn tính đến ngày 16/5/2025 là 89.879.624 (tám mươi chín triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn sáu trăm hai mươi bốn) đồng.

Bà A còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 17/5/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng do bà A ký ngày 16/01/2020 và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của B.

B yêu cầu cá nhân bà A thanh toán nợ, không yêu cầu đưa thêm bất cứ người nào vào tham gia vụ kiện với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn - bà Nguyễn Phụng A vắng mặt suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ kiện mặc dù Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập và niêm yết hợp lệ. Bà A cũng không gửi văn bản phản hồi đến Tòa.

Tại phiên tòa,

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ các nguyên ý kiến và yêu cầu như trên. Bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa triệu tập xét xử hợp lệ và cũng không gửi văn bản ý kiến đến phiên tòa.

Tại phần tranh luận,

Tại phần tranh luận, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, nhận thấy:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Thẩm phán đã xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, Điều 210, Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về án phí: Sau khi nhận đơn khởi kiện, Tòa án có thông báo cho nguyên đơn nộp tiền tạm ứng án phí; Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí và được Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 146 và Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định của Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, bị đơn chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự về Hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Tòa đã tống đạt xét xử hợp lệ triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa sơ thẩm lần 1 mở ngày 10/6/2025 và lần 2 mở ngày 30/6/2025 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 4220017006550 do bà Nguyễn Phụng A ký ngày 16/01/2020 cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện đã đủ cơ sở xác định bị đơn đã được nguyên đơn cấp thẻ tín dụng Visa Signature số 4365 9990 0014 1352, hạn mức tín dụng là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, lãi suất và phí theo quy định tại bản thông tin tư vấn sản phẩm thẻ và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của B.

Căn cứ Bản sao kê tài khoản thẻ thì bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 248.101.000 (hai trăm bốn mươi tám triệu một trăm lẻ một ngàn) đồng. Bà A đã thanh toán cho B (gốc, lãi, phí) tổng cộng 209.634.233 (hai trăm lẻ chín triệu sáu trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm ba mươi ba) đồng, trong đó tiền gốc là 191.840.491 (một trăm chín mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi ngàn bốn trăm chín mươi mốt) đồng và tiền lãi, phí, phạt là 17.793.742 (mười bảy triệu bảy trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm bốn mươi hai) đồng.

Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là đã thanh toán 209.634.233 (hai trăm lẻ chín triệu sáu trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm ba mươi ba) đồng.

Tính đến ngày 30/6/2025, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 159.691.848 (một trăm năm mươi chín triệu sáu trăm chín mươi mốt ngàn tám trăm bốn mươi tám) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 66.690.922 (sáu mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ngàn chín trăm hai mươi hai) đồng.

- Tiền lãi quá hạn tính đến ngày 30/6/2025 là 93.000.926 (chín mươi ba triệu chín trăm hai mươi sáu) đồng.

Đến nay, bị đơn vẫn chưa thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần số tiền gốc và tiền lãi còn nợ là phù hợp với quy định Điều 5, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của ACB; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Về phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia quá trình tố tụng giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Toà án tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ và xét xử. Cho thấy, bị đơn đã tự từ bỏ quyền lợi tố tụng của mình.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thiết nghĩ yêu cầu của nguyên đơn hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận toàn bộ, cần buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 159.691.848 (một trăm năm mươi chín triệu sáu trăm chín mươi mốt ngàn tám trăm bốn mươi tám) đồng cho nguyên đơn ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 4220017006550 do bà Nguyễn Phụng A ký ngày 16/01/2020 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của B theo như ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa.

[4] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí dân sự sơ thẩm là 7.984.592 (bảy triệu chín trăm tám

mươi bốn ngàn năm trăm chín mươi hai) đồng, bị đơn phải chịu do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ.

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.438.234 (hai triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn hai trăm ba mươi bốn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0011677 ngày 30/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Phụng A thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền là 159.691.848 (một trăm năm mươi chín triệu sáu trăm chín mươi mốt ngàn tám trăm bốn mươi tám) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 66.690.922 (sáu mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ngàn chín trăm hai mươi hai) đồng.

- Tiền lãi quá hạn tính đến ngày 30/6/2025 là 93.000.926 (chín mươi ba triệu chín trăm hai mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Phụng A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 4220017006550 do bà Nguyễn Phụng A ký ngày 16/01/2020 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 7.984.592 (bảy triệu chín trăm tám mươi bốn ngàn năm trăm chín mươi hai) đồng, bà Nguyễn Phụng A phải nộp.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.438.234 (hai triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn hai trăm ba mươi bốn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0011677 ngày 30/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi Cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thiện Liên Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**